

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HS - ST
Ngày: 06-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Ông Đới Văn Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2019/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐ-TA ngày 23 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Viết Q, sinh năm 1985, tại xã T, huyện T, tỉnh ; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Xóm B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Viết S và con bà Nguyễn Thị L; tiền án: Không ; tiền sự : Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 81/QĐ-XPVPHC ngày 10/7/2018 của Công an huyện T, tỉnh H, xử phạt Q 1.000.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 11/7/2018 Q chấp hành xong.

Nhân thân :

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 07/12/2006 của Công an tỉnh H;

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPVPHC ngày 14/6/2006 của Công an thành phố H;

Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 3737/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh H;

Bản án số 33/HSST/2003 ngày 29/10/2003 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H;

Bản án số 10/HSST/2004 ngày 22/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H;

Bản án số 20/HSPT/2004 ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh H;

Bản án số 33/HSST/2007 ngày 18/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H;

Bản án số 54/HSST/2009 ngày 18/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H;

Bị cáo tạm giữ từ ngày 30/3/2019 đến ngày 01/4/2019 thì tạm giam tại Trại giam K, Công an tỉnh H. Có mặt.

2. Nguyễn Danh T, sinh năm 1991, tại xã T, huyện T, tỉnh H; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Xóm B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Danh T và con bà Lê Thị N; có vợ: Trần Thị Ngọc A(đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không ;

Nhân thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 184/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Công an huyện T, tỉnh H.

- Bản án số 82/HSST/2014 ngày 05/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H.

- *Bị hại :*

Chị Chu Thị L, sinh năm 1984 và anh Đặng Văn C, sinh năm 1979.

Đều trú tại: Số nhà 329, khu dân cư T 2, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Văn T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Phạm Khắc N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại phòng trọ của Lê Xuân B ở xã T, huyện T, tỉnh H, Nguyễn Viết Q, Lê Xuân B, Nguyễn Danh T đang ngồi chơi, Bình nói “Ở C có nhiều lan lắm, anh em mình lên đó làm”. Q và T đều hiểu B rủ đi trộm cắp lan nên đồng ý. Đến 0 giờ ngày 23 tháng 01 năm 2019, B lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter màu trắng, đen, đỏ(xe B mượn của anh Lê Văn T1. Anh T1 không biết B sử dụng xe để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật) chở T lên C trước. Sau đó, Q gọi điện thuê xe taxi của Phạm Khắc N rồi đi sau. Đến khoảng 1 giờ sáng ngày 23 tháng 01 năm 2019, B, Q, T gặp nhau tại ngã ba S, phường S, thành phố C. Q xuống xe, bảo N đợi ở cổng sân golf C, Q lên xe máy cùng B, T đi ra Quốc lộ 37 hướng đi S- N. Đến khu vực T 3, phường S cách ngã ba S khoảng 1 km, Q chỉ tay vào nhà chị L anh C và bảo “quay lại dưới kia nhà có nhiều lan lắm”, đồng thời bảo B “phải có thang mới trèo được, tao với mày đi tìm thang”. Q bảo T đứng đợi, Q và B đi lấy thang của một nhà một nhà ven đường trước cổng sân golf. Sau đó, B điều khiển xe, Q vác thang ngồi đằng sau, cả hai quay lại nhà chị L. Q dựng thang ở phía trụ cổng bên trái sát mái blôximăng. B trèo lên cây sấu trước cửa, đi sang mái blôximăng. Khi vén tấm lưới ni lông phủ từ trên mái giàn lan xuống, B nhìn thấy bên trong treo nhiều giỏ lan. Q bảo B lấy giỏ lan đai châu. B trèo vào xách 3 giỏ lan đai châu và để trên mái blôximăng, rồi tiếp tục trèo vào sâu lấy thêm giỏ lan đai châu. Q lấy được hai giỏ lan quế và chuyển các giỏ lan B vừa lấy được đưa cho T ở phía dưới cổng. B trèo ra mái blôximăng đưa giỏ lan đai châu vừa lấy được cho T. B và Q xuống đất theo lối cũ. Khi xuống, B, Q đi ra phía xe của N đã thấy 6 giỏ lan trong cốp xe. Sau đó, Q lên xe N, B chở T về phòng trọ của B. Tại đây, Q, B, T mang 6 giỏ lan vào phòng trọ của B cất giấu. B hẹn trả tiền cược cho N sau, N đi về. Đến ngày 29 tháng 01 năm 2019 B đến Công an thành phố C đầu thú và giao nộp số tài sản đã trộm cắp. Quá trình điều tra, Q, T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 29 tháng 3 năm 2019 và ngày 03 tháng 4 năm 2019, Quang, Trung ra đầu thú tại cơ quan Công an thành phố C. Quá trình bỏ trốn, Q, T sống lang thang, không cố định, không có hành vi phạm pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận:

- 01 giỏ lan đai châu gồm có bốn thân lan(bốn ngọn), được ghép trên khúc gỗ hũ dạng bẹt, tròn, giỏ lan đang ra hoa màu trắng tím, mua tháng 3 năm 2018 với giá 4.500.000đồng, tại thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá là: 4.500.000đồng.

- 01 giỏ lan đai châu gồm có ba thân lan(ba ngọn), được ghép trên khúc gỗ hũ, giỏ lan đang ra hoa màu trắng tím, mua tháng 3 năm 2018 với giá 5.400.000đồng, tại thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá là: 5.400.000đồng.

- 01 giỏ lan đai châu gồm có bốn thân lan(bốn ngọn), được ghép trên khúc gỗ hũ, giỏ được đặt trong một giỏ gỗ lớn, giỏ lan đang có nụ hoa, mua tháng 3 năm 2018 với giá 2.800.000đồng, tại thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá là: 2.800.000đồng.

- 01 giỏ lan đai châu gồm có hai thân lan(hai ngọn), được ghép trên khúc gỗ hũ, giỏ lan đang có nụ hoa, mua tháng 3 năm 2018 với giá 1.500.000đồng, tại thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá là: 1.500.000đồng.

- 01 giỏ lan quế loại to được ghép trên thân cây gỗ nhãn, mua tháng 02 năm 2017 với giá 2.600.000đồng, tại thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá là 2.600.000đồng.

- 01 giỏ lan quế loại nhỏ được ghép trên thân cây gỗ nhãn, mua tháng 02 năm 2017 với giá 800.000đồng, tại thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá là 800.000đồng.

Tổng giá trị các tài sản bị trộm cắp vào thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2019 có giá trị là 17.600.000đồng.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSCL ngày 31-5-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Q: Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Q từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30/3/2019. Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo T: Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh T từ 15 đến 18 tháng cho cải tạo không giam giữ, được trừ 1 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 27 ngày đến 17 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí

năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 2 giờ 00 phút ngày 23 tháng 01 năm 2019, Lê Xuân B khởi xướng cùng Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T có hành vi lén lút vào nhà chị L anh C lấy 4 giỏ lan đai châu, 02 giỏ lan quế. Tổng trị giá 6 giỏ lan là 17.600.000đồng. Trong vụ án, Lê Xuân B là người khởi xướng và thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ nhất, sau đó đến Nguyễn Viết Q là người thực hành tích cực, Nguyễn Danh T giữ vai trò đồng phạm là người giúp sức. Đối với Lê Xuân B sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị Tòa án nhân thành phố C, tỉnh H xét xử bằng bản án số 30/2019/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019. Bị cáo Q, T bỏ trốn khỏi địa phương, trong quá trình bỏ trốn đi lang thang, không có hành vi vi phạm pháp luật, đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 và ngày 03 tháng 4 năm 2019 ra đầu thú và bị truy tố, xét xử tại bản án này. Như vậy có đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng thời điểm đêm tối, xung quanh không có người, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 06 giỏ lan của chị L anh C, tổng trị giá 17.600.000đồng. Trong vụ án, các bị cáo đồng phạm với nhau, hành vi của bị cáo này giúp sức, thúc đẩy bị cáo kia thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo B là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo Q là người thực hành tích cực, đề xuất và trực tiếp cùng bị cáo B chuẩn bị công cụ phạm tội, rồi

trèo vào nhà chị L anh C thực hiện hành vi trộm cắp 06 giỏ lan. Bị cáo T giữ vai trò đồng phạm, không đáng kể trong vụ án, là người giúp sức, cảnh giới xung quanh. Bị cáo T không được bị cáo B, Q hứa hẹn chia lợi ích vật chất từ hành vi phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q, T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi với hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều tự nguyện ra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo Tr sau khi thực hiện hành vi phạm pháp luật đã thể hiện tích cực đóng góp cho cộng đồng, tặng quà cho những gia đình có người có công và UBND xã T, huyện T, tỉnh H có đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Vì thế, bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Q, T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Q có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm pháp luật tại bản án này trong thời gian chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên chưa được xóa tiền sự. Điều đó thể hiện bị cáo Q có ý thức chấp hành pháp luật kém nên cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để rèn luyện bị cáo trở thành người có ích, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo T bị rủ rê lại giữ vai trò không đáng kể trong vụ án, nay bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát Công an thành phố C đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter màu trắng, đen, đỏ đã lắp biển kiểm soát 34B1-10011 do anh Lê Văn T1 giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C. Lê Xuân B giao nộp 6 giỏ lan gồm 4 giỏ lan đai châu, 02 giỏ lan quế. Những tài sản này đã được xử lý trong vụ án khác nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị L anh C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải

quyết.

[7] Trong vụ án, đối với Phạm Khắc N không biết việc Nguyễn Viết Q, Lê Xuân B, Nguyễn Danh T trộm cắp hoa lan, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C tách ra tiếp tục làm rõ và có căn cứ xử lý sau.

Đối với Lê Văn T1 khi cho B mượn xe mô tô không biết B dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi của Lê Xuân B đã được xem xét, xử lý trong vụ án khác nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[8] Về án phí: Các bị cáo Q, T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Viết Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Danh T.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Q 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30/3/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh T 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 1 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của T để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trung cho UBND xã T, huyện T, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Viết Q, Nguyễn Danh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương